

Bản án số: 596/2019/DS-ST.

Ngày: 23-04-2019.

V/v Đòi tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thuý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh.
2. Bà Nguyễn Thị Liêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Lê Mỹ Phương, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1469/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 2 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại QC** (có mặt).

Trụ sở: PVT, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông LTT, sinh năm 1975, chức vụ: Trưởng Phòng Tổ chức – Pháp chế (Giấy ủy quyền số 06/UQ-QC18 ngày 09 tháng 3 năm 2018).

2. *Bị đơn:* Ông **NHT**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: CVA, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại QC trình bày:*

Theo Hợp đồng lao động ký ngày 01/01/2006, ông NHT là nhân viên điều độ của Công ty CP Vận tải giao nhận và Thương mại QC, hợp đồng lao động không xác định thời hạn, thời điểm bắt đầu là ngày 01/01/2006. Nhân viên điều độ có nhiệm vụ điều phối xe khi có khách hàng yêu cầu vận chuyển. Việc ông NHT được thu tiền cước từ các khách hàng này là thỏa thuận riêng của công ty với ông T. từ tháng 11/2015, thỏa thuận này không được lập thành văn bản. Thỏa thuận cụ thể như sau: Ông T. thu tiền từ các khách hàng theo tháng. Ngay sau đó, ông T. có trách nhiệm nộp về cho công ty thông qua thủ quỹ tiền cước đã thu, thể hiện bằng giấy biên nhận tiền. Từ sau khi có thỏa thuận này, ông T. chưa thực hiện việc nộp tiền cước vận chuyển đã thu về công ty. Khi công ty yêu cầu ông T. thực hiện nghĩa vụ chuyển trả tiền cước thu được thì ông T. tự ý nghỉ việc. Công ty QC đã tiến hành cho thôi việc theo Quyết định số 10/QĐ 2016 ngày 26/08/2016 do vi phạm kỷ luật lao động tự ý nghỉ việc.

Trong quá trình làm việc, ông NHT đã thu cước vận chuyển của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải L.B. tổng cộng là 261.442.450 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi đồng), cụ thể:

- Tháng 12/2015: Tổng cước mà ông T. đã thu từ Công ty L.B. ngày 01/03/2016 là 79.140.570 đồng (Bảy mươi chín triệu một trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi đồng);

- Tháng 01/2016: Tổng cước mà ông T. đã thu từ Công ty L.B. là 109.198.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu một trăm chín mươi tám ngàn đồng)

+ Ngày 24/03/2016: Ông T. thu cước 74.453.100 đồng (Bảy mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn một trăm đồng);

+ Sau đó, ngày 07/04/2016, ông T. nhận cước bổ sung là 34.745.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

- Tháng 03/2016: Tổng cước mà ông T. đã thu từ Công ty L.B. là 60.434.680 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi đồng);

- Tháng 04/2016: Tổng cước mà ông T. đã thu từ Công ty L.B. ngày 09/07/2016 là 12.669.200 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Việc thu nhận cước vận chuyển từ Công ty L.B. thể hiện bằng cách ông T. ký và ghi đã nhận tiền trên các bảng tính cước.

Công ty QC yêu cầu ông NHT phải trả lại tiền cước vận chuyển đã thu từ Công ty L.B. làm một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật số tiền là 261.442.450 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi đồng) theo thỏa thuận dân sự riêng giữa Công ty QC và ông T., đồng thời ông T. phải trả số tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/ năm tính từ tháng 01/08/2016 cho đến khi thanh toán xong (Tạm tính tiền lãi đến tháng 07/2018 là 45.098.822 đồng).

\* *Bị đơn ông NHT* đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T..

\* *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh:*

Công ty Cổ phần Vận tải giao nhận và Thương mại QC khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền thu cước vận tải đối với ông NHT có địa chỉ tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng theo quy định để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Hợp đồng lao động ký ngày 01/01/2006, Thỏa ước lao động tập thể và nội quy lao động của Công ty QC và trình bày của nguyên đơn, ông NHT là

nhân viên điều độ của công ty, có trách nhiệm điều phối xe khi có khách hàng yêu cầu vận chuyển; việc thu tiền cước từ các khách hàng yêu cầu vận chuyển không là trách nhiệm của nhân viên điều độ theo giao kết lao động; đồng thời, ông HT. tự ý nghỉ việc, không có đơn xin nghỉ phép và không rõ lý do nên đã bị chấm dứt hợp đồng theo Quyết định số 10/QĐ2016 ngày 26/8/2016 do vi phạm kỷ luật lao động. Việc thu tiền cước của ông NHT xuất phát từ giao dịch dân sự nhờ thu với Công ty QC mà không lập văn bản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định khởi kiện của Công ty QC yêu cầu ông HT. trả tiền cước vận tải đã thu là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 1681/2017/QĐ-CCTLCC ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an Phường 12, quận Bình Thạnh xác định: Ông NHT, sinh năm 1973, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại CVA, Phường 12, quận Bình Thạnh. Nhưng thực tế không cư ngụ tại địa phương và không rõ nơi cư ngụ hiện nay. Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông NHT là CVA, Phường 12, quận Bình Thạnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### [2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông NHT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập lần thứ hai mà không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông NHT.

### [3] Về người tham gia tố tụng:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vận tải L.B. có văn bản đề ngày 01/8/2018 gửi đến Tòa án trình bày ý kiến: Ông NHT là người đại diện Công ty QC nhận tiền theo từng đợt vận chuyển hàng hóa. Đồng thời, Công ty L.B. xác định không liên quan đến việc khởi kiện của Công ty QC đòi ông HT. trả tiền cước đã thu từ Công ty L.B. nên đề nghị không tham gia tố tụng tại Tòa án. Xét, yêu cầu khởi kiện của Công ty QC đối với bị đơn ông NHT liên quan đến số tiền cước vận tải mà Công ty L.B. đã trả kèm theo các bảng kê mà không yêu cầu trách nhiệm của Công ty L.B., Hội đồng xét xử nhận thấy việc giải quyết vụ án theo

khởi kiện của nguyên đơn không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty L.B. nên không đưa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L.B. vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu, Công ty QC khởi kiện yêu cầu ông NHT trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền cước vận tải thu dùm Công ty QC tổng cộng là 182.301.880 đồng là tiền cước vận tải thu của Công ty L.B. tháng 01/2016, 03/2016, 04/2016 và tiền lãi chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước 9%/năm từ ngày 08/3/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thay đổi yêu cầu này tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu yêu cầu ông HT. trả 342.069.630 đồng nên chấp nhận sự thay đổi yêu cầu khởi kiện này và tiếp tục xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật bởi lẽ việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn đảm bảo quyền tranh tụng của các đương sự.

Căn cứ các bảng kê cước vận chuyển mà Công ty L.B. cung cấp cho Tòa án theo Quyết định số 987/2018/QĐ-CCTLCC ngày 14/5/2018 và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các bảng kê tháng 01/2016, 03/2016 và tháng 04/2016 đều có ghi chữ "Đã nhận" và có chữ ký ghi rõ họ tên "NHT" với số liệu cụ thể như sau:

- Bảng kê cước vận chuyển tháng 01/2016: Ngày 24/3/2016 đã thu 74.453.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng) và ngày 07/4/2016 đã thu 34.745.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng);

- Bảng kê cước vận chuyển tháng 03/2016: Tổng cước mà ông HT. đã thu là 60.434.680 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi đồng);

- Bảng kê cước vận chuyển tháng 04/2016: Tổng cước mà ông HT. đã nhận là 12.669.200 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Tổng cộng tiền cước mà ông NHT đã nhận của Công ty L.B. là: 74.453.100 đồng + 34.745.000 đồng + 60.434.680 đồng + 12.669.200 đồng = 182.301.880 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn tám trăm tám mươi đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy khởi kiện của nguyên đơn Công ty QC yêu cầu ông NHT trả số tiền cước đã nhận tháng 01/2016, 3/2016 và tháng 04/2016 tổng cộng 182.301.880 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Tại Văn bản số 49/TB-UBND ngày 08/3/2017, Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh xác định: UBND Phường 12 đã mời 02 lần đối với ông NHT, địa chỉ CVA, Phường 12, quận Bình Thạnh. Tuy nhiên hai lần mời, ông NHT không đến cũng không có lý do. Xét Công ty QC đã có yêu cầu đến ông HT. đề nghị trả số tiền cước đã thu nhưng ông HT. không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả; đồng thời, Công ty QC có yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh tiến hành giải quyết nhưng đến ngày lập biên bản hòa giải không thành 08/3/2017, ông HT. vẫn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền cho Công ty QC nên khởi kiện của Công ty QC yêu cầu ông HT. phải trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 08/3/2017 đến khi thanh toán xong là có đủ cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, Công ty QC yêu cầu áp dụng lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm cho khoản tiền chậm trả đối với ông HT. từ ngày 08/3/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Xét lãi suất yêu cầu 9%/năm thấp hơn so với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là tự nguyện, có lợi cho bị đơn ông NHT, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ ngày 08/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/4/2019) là 770 ngày, nên tiền lãi đối với số tiền chậm trả là:  $182.301.880 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày} \times 770 \text{ ngày} = 34.882.091 \text{ đồng}$  (Ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi hai ngàn chín mươi một đồng). Do đó, tổng số tiền mà ông HT. phải trả cho Công ty QC đến ngày xét xử sơ thẩm là  $182.301.880 \text{ đồng} + 34.882.091 \text{ đồng} = 217.183.971 \text{ đồng}$  (Hai trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi một đồng).

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của Công ty QC yêu cầu ông NHT phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền tổng cộng là 217.183.971 đồng (Hai trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi một đồng), trong đó số tiền chậm trả là 182.301.880 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn tám trăm tám mươi đồng) và tiền lãi là 34.882.091 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi hai ngàn chín mươi một đồng).

#### **[5] Về án phí sơ thẩm:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Điều 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn

ông NHT phải chịu là 10.859.200 đồng (Mười triệu tám trăm năm mươi chín ngàn hai trăm đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại QC.

Ông NHT có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại QC làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền tổng cộng là 217.183.971 đồng (Hai trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi một đồng), trong đó số tiền chậm trả là 182.301.880 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn tám trăm tám mươi đồng) và tiền lãi là 34.882.091 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi hai ngàn chín mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 10.859.200 đồng (Mười triệu tám trăm năm mươi chín ngàn hai trăm đồng) ông NHT phải chịu.

2.2. Hoàn cho Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại QC tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.353.000 đồng (Mười một triệu ba trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo Biên lai số 0002502 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

## 3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## 4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

### *Nơi nhận:*

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký và đóng dấu)

**Vũ Thị Thúy Vân**